

Bản án số: 166/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/11/2025

V/v Ly hôn giữa anh H, chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoá;

Ông Lưu Văn Đề.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trịnh Đức H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 63, Ấp L, xã C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm T, xã Hải X, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 225 Bình Phú, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28 tháng 09 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Toà án anh Trịnh Đức H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải H (nay là xã Hải X, tỉnh Ninh Bình) ngày 29/4/2011. Sau khi kết hôn anh và chị L cùng chung sống tại xóm Xuân Trung, xã Hải X, được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2013 anh và chị L sống ly thân, sau đó anh tách khẩu vào thành phố Hồ Chí Minh làm kinh tế. Hiện chị L cũng vào thành phố Hồ Chí Minh làm kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Anh H xác nhận anh và chị L không có con chung, tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/10/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị L có lời khai phù hợp với lời khai của anh H về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị L là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau, vợ chồng cũng đã ly thân từ lâu. Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm không còn.

Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị xác nhận không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Đức H, chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H, chị L là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Trịnh Đức H và chị Nguyễn Thị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải H (nay là xã Hải X), tỉnh Ninh Bình đăng ký kết hôn ngày 29/04/2011. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ đầu năm 2013 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay anh H yêu cầu xin được ly hôn, chị L đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trịnh Đức H thì thấy: Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến nay anh H, chị L có thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trịnh Đức H và chị Nguyễn Thị L không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Anh H, chị L cũng xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trịnh Đức H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trịnh Đức H và chị Nguyễn Thị L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trịnh Đức H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001097 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh + khu vực;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Hải X;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính